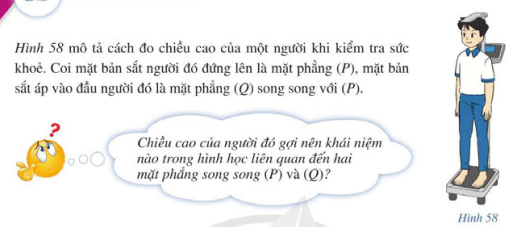
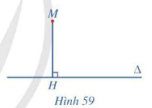
# **BÀI 5. KHOẢNG CÁCH**

## **A. KIẾN THỨC CƠ BẢN CẦN NẮM**



**I. KHOẢNG CÁCH TỪ MỘT DIỂM ĐẾN MỘT ĐƯỜNG THẲNG**  
Ta đã biết khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng trong mặt phẳng. Trong không gian, khái niệm khoảng cách đó được định nghīa tương tự như trong mặt phẳng.

Cho đường thẳng  và điểm  không thuộc . Gọi  là hình chiếu của điểm  trên đường thẳng . Độ dài đoạn thẳng  gọi là khoảng cách từ điểm  đến đường thẳng , kí hiệu .



Trong Hình 59, ta có .  
***Chú ý:*** Khi điểm  thuộc đường thẳng  thì .  
**Ví dụ 1:** Cho đoạn thẳng  có độ dài  và đường thẳng  đi qua  thoả mãn góc giữa hai đường thẳng  và  là . Tính khoảng cách từ  đến  theo .

**II. KHOẢNG CÁCH TỪ MỘT ĐIỂM ĐẾN MỘT MẶT PHẲNG**

|  |  |
| --- | --- |
| Khi lắp thiết bị cho nhà bạn Nam, bác thợ khoan tường tại vị trí  trên tường có độ cao so với nền nhà là  cm. Quan sát *Hình 61*, nền nhà gợi nên mặt phẳng , cho biết độ dài đoạn thẳng  gợi nên khái niệm gì trong hình học liên quan đến điểm  và mặt phẳng . |  |

**Nhận xét:** Độ dài đoạn thẳng  gợi nên khái niệm khoảng cách từ một điểm đến một mặt phẳng.

Ta có định nghĩa sau (*Hình 62*):

|  |  |
| --- | --- |
| Cho mặt phẳng  và điểm  không thuộc mặt phẳng . Gọi  là hình chiếu của  trên mặt phẳng . Độ dài đoạn thẳng  gọi là khoảng cách từ điểm  đến mặt phẳng , kí hiệu . |  |

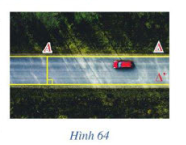
*Chú ý:* Khi điểm  thuộc mặt phẳng  thì .

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ví dụ 2:*** Cho hình chóp  có đáy  là hình vuông cạnh , gọi  là giao điểm của  và , , . Tính:  a) Khoảng cách từ điểm  đến mặt phẳng ;  b) Khoảng cách từ điểm đến mặt phẳng . |  |

**Luyện tập 1:** Cho hình chóp  có , ,  . Chứng minh rằng khoảng cách từ  đến mặt phẳng  bằng .

**III. KHOẢNG CÁCH GIỮA HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG**

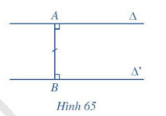
**HĐ 2:** Trong *Hình 64* , hai mép của con đường gợi nên hình ảnh hai đường thẳng song song  và . Xét điểm  trên đường thẳng .  
a) Khoảng cách từ điểm  đến đường thẳng  có phụ thuộc vào vị trí của điểm  trên đường thẳng  hay không? Vì sao?  
b) Khoảng cách đó gợi nên khái niệm gì trong hình học liên quan đến hai đường thẳng song song  và  ?



Ta có định nghĩa sau:

Khoảng cách giữa hai đường thẳng song song ,  là khoảng cách từ một điểm bất kì thuộc đường thẳng này đến đường thẳng kia, kí hiệu .

Trong Hình 65 , ta có  với ,  và .



**Ví dụ 3:** Cho hình hộp  có , góc giữa hai đường thẳng  và  bằng . Tính khoảng cách giữa hai đường thẳng  và 

**Luyện tập 2.** Người ta dựng các cột đèn vuông góc với mặt đường, trong đó mỗi cột đèn gợi nên hình ảnh một đường thẳng. Khoảng cách giữa hai chân cột đèn liên tiếp đo được là . Tại sao có thể nói khoảng cách giữa hai cột đèn đó là  ?

**IV. KHOẢNG CÁCH GIỮA ĐƯỜNG THẲNG VÀ MẶT PHẲNG SONG SONG**

**HĐ 3.** Trong Hình 67, thanh gỗ dọc phía trên các cột và mặt đường hành lang gợi nên hình ảnh đường thẳng  và mặt phẳng  song song với nhau, chiều cao của chiếc cột có đỉnh cột  là khoảng cách từ điểm  đến mặt phẳng .

a) Khoảng cách từ điểm  đến mặt phẳng  có phụ thuộc vào vị trí của điểm  trên đường thẳng  hay không ? Vì sao ?

b) Khoảng cách đó gợi nên khái niệm nào trong hình học liên quan đến đường thẳng  và mặt phẳng  ?

A picture containing building

Description automatically generated

Ta có định nghĩa sau :

Cho đường thẳng  song song với mặt phẳng . Khoảng cách giữa đường thẳng  và mặt phẳng  là khoảng cách từ một điểm bất kì thuộc đường thẳng  đến mặt phẳng , kí hiệu là

Diagram

Description automatically generated

Trong Hình 68, ta có : , trong đó , ,  và .

**Ví dụ 4.** Cho hình chóp  có đáy  là hình vuông cạnh , . Chứng minh  và tính khoảng cách giữa  và mặt phẳng .

**Luyện tập 3**. cho hình chóp có, góc giữa và mặt phẳng là. Gọi là trung điểm của cạnhvà. Chứng minh và tính.

**V. KHOẢNG CÁCH GIỮA HAI MẶT PHẲNG SONG SONG**

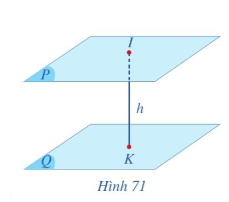
HĐ 4. a) Trong hình , sàn nhà và trần nhà của căn phòng gợi nên hình ảnh của hai mặt phẳng song song

. Chiều cao của căn phòng là . Chiều cao đó gợi nên khái niệm gì trong hình học liên quan

đến hai mặt phẳng song song ?



b) Cho hai mặt phẳng  và  song song với nhau. Xét điểm I tuỳ ý trong mặt phẳng , lấy  là hình chiếu của I trên  (Hình 71). Khoảng cách IK từ điểm I đến mặt phẳng  có phụ thuộc vào vị trí của điểm I trong mặt phẳng  hay không? Vì sao?



Ta có định nghĩa sau:

Khoảng cách giữa hai mặt phẳng song song  là khoảng cách từ một điểm bất kì thuộc mặt phẳng này đến mặt phẳng kia, kí kiệu .

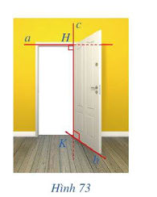
Trong Hình 71, ta có:  vơi ,  và .  
**Ví dụ 5:** Cho hình hộp  có tất cả các cạnh bằng  và đáy là hình vuông. Hình chiếu của  trên mặt phẳng  là giao điểm  của  và . Tính khoảng cách giữa hai mặt phẳng  và .

**Luyện tập 4.** Cho hình lăng trụ  có cạnh bên bằng . Góc giữa đường thẳng  và mặt phẳng  bằng . Tính khoảng cách giữa hai mặt phẳng  và .

**VI. KHOẢNG CÁCH GIỮA HAI ĐƯỜNG THẲNG CHÉO NHAU**

**HĐ 5.** Trong Hình 73, khuôn cửa phía trên và mép cánh cửa phía dưới gợi nên hình ảnh hai đường thẳng a và b chéo nhau, hai bản lề của cánh cửa nằm trên đường thẳng c.

Quan sát Hình 73 và cho biết đường thẳng c có vừa cắt, vừa vuông góc với cả hai đường thẳng a và b hay không.



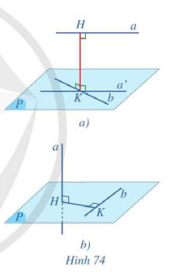
Từ đó, ta có định nghĩa sau:

Cho hai đường thẳng  chéo nhau.

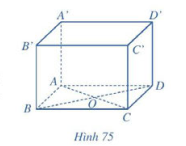
* Đường thẳng  vừa vuông góc, vừa cắt cả hai đường thẳng  và  được gọi là đường vuông góc chung của hai đường thẳng đó.
* Đoạn thẳng có hai đâu mút là giao điểm của đường thẳng  với hai đường thẳng  được gọi là đoạn vuông góc chung của hai đường thẳng đó.
* Độ dài đoạn vuông góc chung của hai đường thẳng  gọi là khoäng cách giữa hai đường thẳng đo, kí hiệu .

**Nhận xét:** Gọi mặt phẳng chứa  và song song với  là , hình chiếu của  trên  là , giao điểm của  và  là . Khi đó,  là đoạn vuông góc chung của hai đường thẳng chéo nhau  (Hình 74a). Ngoài ra, ta cũng có .

Khi , ta có thể làm như sau: Gọi mặt phẳng đi qua  và vuông góc với  là , giao điểm của  và  là , hình chiếu của  trên  là . Khi đó  là đoạn vuông góc chung của hai đường thẳng chéo nhau  (Hình .



**Ví dụ 6:** Cho lăng trụ  có đáy  là hình vuông cạnh  là giao điểm của  và ,  vuông góc với mặt phẳng chứa đáy. Tính:  
a) ; b) .



**Luyện tập 5.** Cho hình chóp tam giác  có đáy  là tam giác đều cạnh . Tính .

## **B. PHÂN LOẠI VÀ PHƯƠNG PHÁP GIẢI BÀI TẬP**

## **Dạng 1: Tính khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng**

### **1. Phương pháp:**

|  |  |
| --- | --- |
| **①.** Xác định hình chiếu H của A trên d  **②.** Khi đó ta có:  **③**. Tính độ dài AH bằng kiến thức hình học phẳng cơ bản, các định lý và hệ thức lượng trong tam giác. |  |

### **2. Các ví dụ**

**Ví dụ 1:** Cho hình chóp  có  vuông góc với mặt phẳng ,  là hình thang vuông có đáy lớn  gấp đôi đáy nhỏ , đồng thời đường cao . Biết . Tính khoảng cách từ đỉnh  đến đường thẳng 

** Lời giải**

**Ví dụ 2:** Cho hình chóp  có đáy  là hình vuông cạnh ,  và . Tính khoảng cách từ  đến đường thẳng .

** Lời giải**

**Ví dụ 3:** Cho hình chóp có đáy là tam giác vuông tại , cạnh bên vuông góc với đáy và ,. Gọi là điểm thuộc sao cho . Tính khoảng cách từ điểm đến đường thẳng .

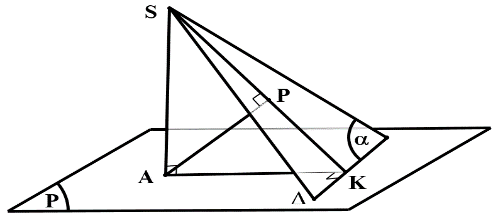
** Lời giải**

## **Dạng 2: Tính khoảng cách từ một điểm đến mặt phẳng**

### **1. Phương pháp:**

* Để tính được khoảng từ điểm đến mặt phẳng thì điều quan trọng nhất là ta phải xác định được hình chiếu của điểm  trên .

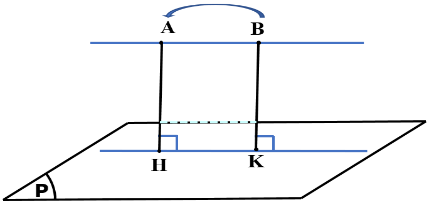
**①.** A là chân đường cao, tức là .



**🞟.** Dựng  và .

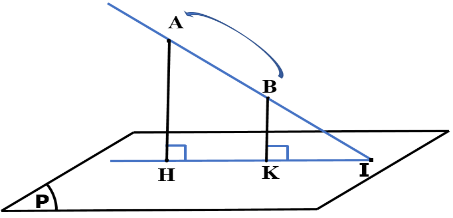
**🞟.** Dựng 

**②.** Dựng đường thẳng .



**🞟.** Khi đó ta có: .

**③.**Đường thẳng AB cắt  tại I:



**🞟.** Khi đó ta có: 

### **2. Các ví dụ**

**Ví dụ 1:** Cho hình chóp  có đáy  là tam giác đều cạnh . Cạnh bên  và vuông góc với mặt đáy . Tính khoảng cách  từ  đến mặt phẳng .

** Lời giải**

Ví dụ 2: Cho hình chóp  có đáy  là tam giác vuông tại , . Tam giác  đều và nằm trong mặt phẳng vuông với đáy. Tính khoảng cách  từ  đến mặt phẳng .

** Lời giải**

**Ví dụ 3:** Cho hình chóp  có đáy  là hình vuông cạnh , các cạnh bên của hình chóp bằng nhau và bằng . Tính khoảng cách  từ  đến mặt phẳng .

** Lời giải**

**Ví dụ 4.** Cho hình chóp *S.ABC* có đáy là tam giác *ABC* có . Biết .

a) Tính khoảng cách từ *C* đến mặt phẳng .

b) Tính khoảng cách từ *B* đến mặt phẳng .

** Lời giải**

**Ví dụ 5.** Cho hình *chóp S.ABCD* có đáy là hình chữ nhật với . Tam giác *SAB* cân tại *S* và thuộc mặt phẳng vuông góc với đáy. Gọi *H* làtrung điểm của *AB*.

a) Tính khoảng cách từ *A* đến mặt phẳng

b) Tính khoảng cách từ *D* đến mặt phẳng.

** Lời giải**

**Ví dụ 6.** Cho hình chóp *S.ABCD* có đáy là hình thang vuông tại *A* và *B* có . Biết .

a) Tính khoảng cách từ *C* đến mặt phẳng .

b) Tính khoảng cách từ *D* đến mặt phẳng .

** Lời giải**

## **Dạng 3: Tính khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau**

### **1. Phương pháp:**

Để tính khoảng cách giữa hai đường thẳng chéo nhau, ta có thể sử dụng một trong các cách sau:

• *Cách 1:* Dựng mặt phẳng (P) chứa đường thẳng a và song song với b. Khoảng cách từ b đến (P) là khoảng cách cần tìm.

• *Cách 2:*Dựng hai mặt phẳng song song và lần lượt chứa hai đường thẳng. Khoảng cách giữa hai mặt phẳng đó là khoảng cách cần tìm.

• *Cách 3:* Dựng đoạn vuông góc chung và tính độ dài đoạn đó.

**Cách dựng đoạn vuông góc chung của hai đường thẳng chéo nhau:**

|  |  |
| --- | --- |
| • *Cách 1:* Khi  +Dựng một  tại H.  + Trong (P) dựng  tại K.  + Đoạn HK là đoạn vuông góc chung của a và b.  • *Cách 2:*  + Dựng .  + Dựng , bằng cách lấy  dựng đoạn , lúc đó a’ là đường thẳng đi qua N và song song a.  + Gọi , dựng HK là đoạn vuông góc chung.  • *Cách 3:*  + Dựng mặt phẳng (P) vuông góc với a tại điểm M.  + Dựng hình chiếu b’ của b trên (P).  + Dựng hình chiếu vuông góc H của M trên b’.  + Từ H dựng đường thẳng song song với a, cắt b tại điểm B. |  |

+ Qua B dựng đường thẳng song song với MH, cắt a tại điểm A. Khi đó, AB là đoạn vuông góc chung của a và b.

### **2. Các ví dụ**

**Ví dụ 1:** Cho hình chóp  có đáy  là hình vuông với . Cạnh bên  vuông góc với đáy,  hợp với đáy góc . Tính khoảng cách  giữa hai đường thẳng  và .

** Lời giải**

**Ví dụ 2:** Cho hình chóp  có đáy  là hình vuông tâm , cạnh . Cạnh bên  vuông góc với đáy, góc . Tính khoảng cách  giữa hai đường thẳng  và .

** Lời giải**

**Ví dụ 3:** Cho hình chóp  có đáy  là hình vuông tâm , cạnh bằng . Đường thẳng  vuông góc với mặt phẳng đáy  và . Tính khoảng cách  giữa hai đường thẳng  và .

** Lời giải**

**Ví dụ 4:** Cho hình chóp  có đáy  là hình vuông cạnh , tâm . Cạnh bên  và vuông góc với mặt đáy . Gọi  và  lần lượt là trung điểm của cạnh  và . Tính khoảng cách giữa hai đường thẳng  và .

** Lời giải**

**Ví dụ 5:** Cho hình lăng trụ  có đáy là tam giác đều cạnh có độ dài bằng . Hình chiếu vuông góc của  lên mặt phẳng  trùng với trung điểm  của . Tính khoảng cách  giữa hai đường thẳng  và .

** Lời giải**

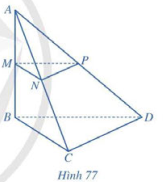
## **C. GIẢI BÀI TẬP SÁCH GIÁO KHOA**

**Bài 1.** Hình 76 gợi nên hình ảnh hai mặt phẳng  và  song song vôi nhau. Cột gỗ cao 4,2 m. Khoảng cách giữa  và  là bao nhiêu mét?



** Lời giải**

**Bài 2.** Cho hình tứ diện  có , . Gọi  lần lượt là trung điểm của  (Hình 77).  
a) Tính khoảng cách từ điểm  đến đường thẳng .  
b) Tính khoảng cách từ điểm  đến mặt phẳng .  
c) Tính khoảng cách giữa hai đường thẳng  và .

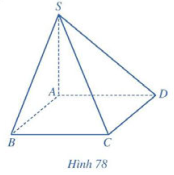
****

** Lời giải**

**Bài 3.** Với giả thiết ở Bài tập 2, hãy:  
a) Chứng minh rằng . Tính khoảng cách giữa hai đường thẳng  và .  
b) Chứng minh rằng . Tính khoảng cách từ đường thẳng  đến mặt phẳng .  
c) Chứng minh rằng . Tính khoảng cách giữa hai mặt phẳng  và .

** Lời giải**

**Bài 4.** Cho hình chóp  có , đáy  là hình vuông cạnh .  
a) Tính khoảng cách từ điểm  đến đường thẳng .  
b) Tính khoảng cách từ điểm  đến mặt phẳng .  
c) Tính khoảng cách từ điểm . đến mặt phẳng ( .



** Lời giải**

**Baif 5.** Với giả thiết ở Bài tập 4, hãy:  
a) Chứng minh rằng  và tính khoảng cách giữa  và mặt phẳng .  
b) Chứng minh rằng  và tính khoảng cách giữa hai đường thẳng  và 

** Lời giải**

## **D. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** Cho hình chóp  có đáy  là hình chữ nhật có . Cạnh bên  và vuông góc với mặt đáy . Tính khoảng cách  từ  đến mặt phẳng .

**A.** . **B.** . **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 2:** Cho hình chóp  có đáy  là hình vuông cạnh bằng . Tam giác  đều và nằm trong mặt phẳng vuông góc với đáy . Tính khoảng cách  từ  đến .

**A.** . **B.** . **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 3:** Cho hình chóp  có đáy  là hình vuông tâm  cạnh . Cạnh bên  và vuông góc với đáy . Tính khoảng cách  từ điểm  đến mặt phẳng .

**A.** . **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 4:** Cho hình chóp  có đáy  là hình vuông tâm , cạnh  Cạnh bên  và vuông góc với mặt đáy  Tính khoảng cách  từ  đến mặt phẳng 

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 5:** Cho hình chóp tam giác đều  có cạnh đáy bằng  và cạnh bên bằng . Tính khoảng cách  từ đỉnh  đến mặt phẳng .

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 6:** Cho hình chóp  có đáy  là hình vuông cạnh bằng . Cạnh bên  vuông góc với đáy,  hợp với mặt đáy một góc . Tính khoảng cách  từ điểm  đến mặt phẳng .

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 7:** Cho hình chóp tứ giác đều  có cạnh đáy bằng , cạnh bên hợp với mặt đáy một góc . Tính khoảng cách  từ  đến mặt phẳng .

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 8:** Cho hình chóp  có đáy  là tam giác đều cạnh ,  vuông góc với mặt phẳng ; góc giữa đường thẳng  và mặt phẳng  bằng . Gọi  là trung điểm của cạnh . Tính khoảng cách  từ  đến mặt phẳng .

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 9:** Cho hình chóp  có đáy  là hình chữ nhật với . Đỉnh  cách đều các điểm . Tính khoảng cách  từ trung điểm  của  đến mặt phẳng .

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 10:** Cho hình chóp  có đáy  là hình thang vuông tại  và ,  . Đường thẳng  vuông góc với mặt phẳng . Gọi  là trung điểm của cạnh . Tính khoảng cách  từ điểm  đến mặt phẳng .

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 11:** Cho hình chóp  có đáy  là hình chữ nhật với . Cạnh bên  vuông góc với đáy, góc giữa  với đáy bằng  Tính khoảng cách  từ điểm  đến mặt phẳng  theo .

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**Xem thêm tại Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**

**🖎**

**Câu 12:** Cho hình chóp  có đáy  là hình thang vuông tại  và . Cạnh bên  vuông góc với đáy, , . Tính khoảng cách  từ điểm  đến mặt phẳng .

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 13:** Cho hình chóp  có đáy  là hình thoi cạnh . Tam giác  đều, hình chiếu vuông góc  của đỉnh  trên mặt phẳng  trùng với trọng tâm của tam giác . Đường thẳng  hợp với mặt phẳng  góc . Tính khoảng cách  từ  đến mặt phẳng  theo .

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 14:** Cho hình chóp  có đáy  là hình thang vuông tại  và  với . Cạnh bên  và vuông góc với mặt phẳng . Tính khoảng cách  từ điểm  đến mặt phẳng .

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 15:** Cho hình chóp  có đáy  là hình chữ nhật với . Cạnh bên  và vuông góc với đáy. Gọi  lần lượt là trung điểm của  và . Tính khoảng cách  từ  đến mặt phẳng .

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 16:** Cho hình lập phương  có cạnh bằng . Tính khoảng cách  từ điểm  đến mặt phẳng .

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 17:** Cho hình hộp chữ nhật  có đáy  là hình vuông cạnh , . Tính khoảng cách  giữa hai đường thẳng  và .

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 18:** Cho hình chóp  có đáy  là hình vuông tâm , cạnh bằng . Cạnh bên . Hình chiếu vuông góc của đỉnh  trên mặt phẳng  là trung điểm của  của đoạn thẳng . Tính khoảng cách  giữa các đường thẳng  và .

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 19:** Cho hình chóp  có đáy  là hình vuông cạnh bằng . Cạnh bện  vuông góc với mặt phẳng  và . Gọi  lần lượt là trung điểm của  và . Tính khoảng cách  giữa  và .

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 20:** Cho hình chóp  có đáy  là tam giác vuông tại , , . Cạnh bên  vuông góc với đáy. Góc tạo bởi giữa  và đáy bằng . Gọi  là trung điểm của , tính khoảng cách  giữa hai đường thẳng  và .

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 21:** Cho hình chóp  có đáy  là hình vuông cạnh , tam giác  đều và nằm trong mặt phẳng vuông góc với đáy. Tính khoảng cách  giữa hai đường thẳng  và .

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 22:** Cho hình chóp  có đáy  là hình thang vuông tại  và  với , . Hai mặt phẳng  và  cùng vuông góc với đáy. Góc giữa  và mặt đáy bằng . Tính khoảng cách  giữa hai đường thẳng  và .

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 23:** Tính khoảng cách  giữa hai cạnh đối của một tứ diện đều cạnh 

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 24:** Cho hình lập phương  cạnh . Trong các mệnh đề sau, mệnh đề nào là đúng?

**A.** Khoảng cách từ điểm đến mặt phẳng  bằng 

**B.** Độ dài đoạn  bằng 

**C.** Khoảng cách từ điểm đến mặt phẳng  bằng 

**D.** Khoảng cách từ điểm đến mặt phẳng  bằng 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 25:** Khoảng cách giữa hai cạnh đối trong một tứ diện đều cạnh  bằng:

**A. ** **B.**  **C.**  **D. **

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 26:** Cho hình chóp tam giác đều  có cạnh đáy bằng , cạnh bên bằng . Khoảng cách từ đỉnh  đến mặt phẳng đáy là

**A.**  **B.**  **C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**

**Câu 27:** Cho hình hộp chữ nhật  có ba kích thước , , . Trong các kết quả sau đây, kết quả nào là sai?

**A.**  **B.** 

**C.**  **D.** 

**Lời giải**

**🖎**